

MÔN TOÁN

A. Lý thuyết:

*Số học: - Cách rút gọn phân số: Qui tắc: Muốn rút gọn một phân số ta chia cả tử và mẫu của phân số cho một ước chung (khác 1 và -1) của chúng.

- Phân số tối giản:

Phân số tối giản là phân số mà tử và mẫu chỉ có ước chung là 1 và -1 (hay phân số không thể thu gọn được nữa)

* chú ý : Khi rút gọn phân số, ta thường rút gọn phân số đó đến tối giản.

* Hình học: Ôn lại bài : Khi nào thì $xOy + yOz = xOz$?

Nếu tia Oy nằm giữa hai tia Ox và Oz thì $xOy + yOz = xOz$

B. Bài tập

I. Bài tập SGK: Số học hoàn thành bài tập: 15;16;17cd;18;19 (trang 15)

II. Bài tập bổ trợ:

* Số học:

Bài số 1: Rút gọn các phân số sau thành phân số tối giản:

$$\begin{array}{llllll} a) \frac{-270}{450} & b) \frac{11}{-143} & c) \frac{32}{12} & d) \frac{-26}{-156} & e) \frac{4.7}{59.32} & f) \frac{3.21}{14.15} \\ g) \frac{2.5.13}{26.35} & n) \frac{9.6-9.3}{18} & m) \frac{17.5-17}{3-20} & k) \frac{49+49.7}{49} & & \end{array}$$

Bài số 2 : Tìm các cặp phân số bằng nhau trong các phân số sau đây:

$$\frac{8}{18}; \frac{-35}{14}; \frac{88}{56}; \frac{-12}{-27}; \frac{11}{7}; \frac{-5}{2}$$

Bài số 3 : Một bể nước có dung tích 5000 lít. Người ta đã bơm 3500 lít nước vào bể. Hỏi lượng nước cần bơm tiếp cho đầy bể bằng **mấy phần** dung tích bể?

*Hình học:

Bài số 1: Tia Oy nằm giữa hai tia Ox và Oz. Biết $\widehat{xOy} = 40^\circ$. Hỏi \widehat{xOz} là góc nhọn, góc vuông, góc tù hay góc bẹt nếu số đo của \widehat{yOz} lần lượt bằng 30° ; 50° ; 140° ?

Bài số 2: Trên đường thẳng d từ trái sang phải ta lấy các điểm A; D; C; B và lấy điểm O nằm ngoài đường thẳng d. Biết $\widehat{AOD} = 30^\circ$; $\widehat{DOC} = 40^\circ$; $\widehat{AOB} = 90^\circ$. Tính các góc: \widehat{AOC} ; \widehat{COB} ; \widehat{DOB} ?

NỘI DUNG ÔN TẬP VĂN 6 TUẦN 10

PHẦN I:

Câu 1: So sánh là gì? Cho VD?

Câu 2: Nêu cấu tạo của phép so sánh?

Câu 3: Có mấy kiểu so sánh? Cho VD?

Câu 4: Biện pháp so sánh có tác dụng như thế nào?

PHẦN II:

Câu 1: Tìm phép so sánh và điền vào mô hình cấu tạo:

a. Trung thu trăng sáng như gương

Bác Hồ ngắm cảnh nhớ thương nhi đồng

b. Đất nước bốn ngàn năm

Vất vả và gian lao

Đất nước như vì sao

Cứ đi lên phía trước

c. Như chiếc chèo bốn bề chao mặt sóng

Hồn tôi vang tiếng vọng của hai miền

Câu 2: Điền vào chỗ trống để hoàn thành phép so sánh:

- Đẹp như...

Xấu như...

- Gầy như...

Béo như

- Nhanh như...

Chậm như...

- Trắng như...

Đen như...

- Đỏ như...

Cao như...

- Thấp như...

Vàng như...

- Lười như...

Chăm như...

Câu 3: Tìm và nêu ngắn gọn tác dụng của phép so sánh trong văn bản “ Bài học đường đời đầu tiên”, “ Sông nước Cà Mau” và “ Vượt thác”

Câu 4: Viết đoạn văn(10-12 câu) tả cảnh vật sau cơn mưa rào, trong đó có sử dụng một phép so sánh, gạch chân phép so sánh đó.

MÔN TIẾNG ANH

I. Câu mệnh lệnh (Imperatives)

1. Định nghĩa

- Câu mệnh lệnh là câu dùng để sai khiến, ra lệnh hoặc đề nghị một người khác làm một việc gì đó. Chủ ngữ của câu mệnh lệnh được ngầm hiểu là “you”.

- Câu mệnh lệnh luôn được dùng ở thì hiện tại đơn và dạng thức nguyên thể (không có “to”) của động từ.

2. Cấu trúc

Dạng	Khẳng định	Phủ định
Cấu trúc	Verb (động từ) + object (tân ngữ) Verb + prepositional (giới từ)	Don't verb + object/preposition
Ví dụ	- Open the door (Hãy mở cửa ra) - Close the door (Hãy đóng cửa lại) - Come in. (Mời vào) - Sit down (Mời ngồi xuống).	- Don't open the window. (Đừng mở cửa sổ.) - Don't cry (Đừng khóc.) - Don't stand up. (Đừng đứng dậy.)
Lưu ý	Có thể dùng “please” (làm ơn, xin mời) trong câu mệnh lệnh làm cho câu nhẹ nhàng hơn và lịch sự hơn, có thể đặt ở đầu hoặc ở cuối câu. Ví dụ: - Sit down, please. (Xin mời ngồi xuống.) - Please stand up. (Xin mời đứng dậy) - Don't make noise, please. (Làm ơn đừng làm ồn.)	

BÀI TẬP VẬN DỤNG CƠ BẢN

Bài 1: Chuyển các câu mệnh lệnh sau đây từ dạng câu khẳng định sang phủ định và ngược lại:

1. Go straight.
2. Pass the bank.
3. Cross the road.
4. Turn left.
5. Walk to the corner.
6. Look at the map.
7. Don't let them stop.
8. Don't go tomorrow.
9. Don't have a shower.
10. Don't jump up now.
11. Don't play the piano.
12. Don't be careful.

Bài 2: Hoàn thành các câu sau bằng cách điền cụm từ thích hợp dưới đây vào chỗ trống:

Turn left	Stop the car	Help me!	Have	Don't listen
Pass	Don't be late	Open	Come	Catch
Take	Come in	Don't wait	Don't forget	

- for me. I'm not coming tonight.
-with you. It's raining.
-a rest. You look tired.
-at the end of the street.
- I can't swim.
-to take your passport.
- There is a mouse in the road.
- to my cocktail party, please.
- your book at page 15.
- the salt, please.
- to that record. It's terrible.
- The train leaves at 8 o'clock.
- and have a glass of lemonade.
- the first train in the morning.

Bài 3: Viết câu mệnh lệnh dựa vào động từ cho sẵn:

-upstairs. (to go)
-in this lake. (not/to swim)
-your homework. (to do)
-football in the yard. (not/to play)
-your teeth. (to brush)
-during the lesson. (not/to talk)
-the animals in the zoo. (not/to feed)
-the instructions. (to read)
-late for school. (not/to be)
-your mobiles. (to switch off)
-our brother. (to ask)
-a pencil. (not/to use)
-up. (to hurry)
-quiet. (to be)
-the police. (not/to call)
-your beds. (to make)
- Please (to mind)
-dad about my accident. (not/to tell)
- Pleasein this room. (not/ to smoke)
- Let's.....her mother in the kitchen. (to help)

Bài 4: Sắp xếp các từ sau để tạo thành câu mệnh lệnh hoàn chỉnh:

- use/umbrella/do not/my/him/let.
- first/the/take/on/right/the/tunning!

3. tell/things/me/such/don't!
4. that/. /Don't/like/speak
5. attention/pay/to/Don't/her.
6. too/fast./Don't/drive
7. doors/. /Close/the
8. Open/book/26/. /down/Sit/and/page/your

Bài 5: Chọn và ghép cụm từ ở cột A với cột B sao cho tạo thành câu mệnh lệnh hoàn chỉnh, sau đó viết lại câu:

Cột A	Cột B
1. Don't accept	The door to Mike
2. Brush your teeth	To bring the CDs
3. Turn off the light	Candies from strangers
4. Don't step	Before you go to bed
5. Bring your dictionaries	Adult programmes
6. Don't open	When you go to bed to save energy
7. Don't watch	For language arts class
8. Don't forget	On the lawn

II. Trạng từ chỉ tần suất (Adverbs of frequency)

1. Định nghĩa

Trạng từ chỉ tần suất là những trạng từ được dùng để diễn tả mức độ thường xuyên của hành động.

Trạng từ chỉ tần suất	Cụm trạng từ chỉ tần suất
100% : always (luôn luôn) 80-99% : usually (thường xuyên) 60-79% : often (thường thường) 40-59% : sometimes (thỉnh thoảng); occasionally (thỉnh thoảng) 1-39% : seldom (hiếm khi) ; rarely (ít khi) 0% : never (không bao giờ)	Every (day/week/month/year...): mỗi ngày/tuần/tháng/năm...; once a week (một lần một tuần); twice a week (một tuần hai lần); three times a month (ba lần một tháng)

Các trạng từ này dùng để trả lời cho câu hỏi “How often”

Ví dụ:

-How often do you go to the cinema? (Bạn có đi xem phim thường xuyên không?)

=> I sometimes go to the cinema. (Tôi thỉnh thoảng đi xem phim.)

2. Vị trí của trạng từ chỉ tần suất

a. Đứng sau động từ “to be”	Ví dụ: - Lan is never late for school. (Lan không bao giờ trễ học.) - They are sometimes at home. (Họ thỉnh thoảng ở nhà.)
-----------------------------	--

b. Đứng trước động từ thường	<p>Ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - I usually go to work at 7a.m (Tôi thường xuyên đi làm vào lúc 7 giờ.) - She often does the housework everymorning. (Cô ấy thường xuyên làm việc nhà vào mỗi sáng.) - They always come to class on time. (Họ luôn luôn tới lớp đúng giờ.)
c.Đứng giữa trợ động từ (do, does...) và động từ thường	<p>Ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - I don't usually watch TV every morning. (Tôi không thường xuyên xem tivi vào buổi tối.) - He doesn't often see her. (Anh ấy không thường xuyên học cô ấy.) - They don't always do their exercises. (Họ thường không làm bài tập của mình.)
d. Nằm ở cuối câu	<p>Ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - I go to the park every weekend. (Tôi thường đi tới công viên mỗi cuối tuần.) - He travels to Ha Long Bay twice a year. (Anh ấy đi Vịnh Hạ Long hai lần một năm) - They meet their parents four times a month.(Họ gặp bố mẹ của mình một tháng bốn lần.)

BÀI TẬP VẬN DỤNG CƠ BẢN

Bài 1: Điền trạng từ chỉ tần suất thích hợp vào chỗ trống:

Ví dụ: (100 percent) My friend.....always.....wears a hat.

1. (100 percent) Selina and Rick.....go to the beach on summer weekends.
2. (0 percent) They.....stay at home.
3. (40 percent)they bring their dog.
4. (80 percent) Theygo to the beach.
5. (20 percent) They.....take the train.
6. (60 percent) They.....friends with them.
7. (20 percent)They..... They like to sit in the sun.
8. (100 percent) Antonia and Tomasstay in the city.
9. (80 percent) They.....eat dinner at home.
10. (20 percent) They.....eat dinners at restaurants.
11. (0 percent) They.....eat at a very expensive restaurants.
12. (40 percent)Tomas will cook dinner, but (80 percent) not.

